

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯỜNG ỨNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 19.10.2022

THƯƠNG CON MUỐN CON KHÔNG CÒN NỊCH ÁI

Kinh Sānu (Sānusuttam)

CHƯƠNG X. TƯỜNG DẠ XOA (S. i, 209)

Tấm lòng của mẹ không những vĩ đại mà đôi khi khó đong đo tất cả chiều kích. Thương con thật nhiều lại muốn con không vướng mang ái chấp thường tình. Theo dấu chân con qua bao kiếp trầm luân lại muốn con hướng nẻo xuất thế. Phải nhận rằng ít có bà mẹ nào muốn xa con nhưng ở đây lại là một hình ảnh hiếm hoi: Con về nhà sống với mẹ thì dù sống nhưng xem như đã chết; con lên đường hành trình cuộc tu tụy xa mẹ nhưng lại rất gần. Vì dạ xoa là mẹ nên chỉ mong con được an bình. Vì mẹ dù thương con nhưng muốn con không vướng lụy trần gian nên khuyên con sống đời sa môn không ái luyến buộc ràng. Máy ai trong đời hiểu hết trái tim của mẹ.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena aññatarissā upāsikāya sānu nāma putto yakkhena gahito hoti. Atha kho sā upāsikā paridevamānā tāyaṃ velāyaṃ imā gāthāyo abhāsi –

Thuở ấy Đức Thế Tôn ngự ở Sāvatti, tại Jetavana (Kỳ Viên), ngôi già lam do ông Anāthapiṇḍika dâng cúng.

Bấy giờ Sānu, con một nữ cư sĩ bị da xoa nhập. Nữ cư sĩ than khóc nói lên kệ ngôn:

**“Cātuddasiṃ pañcadasiṃ, yā ca pakkhassa aṭṭhamī;
Pāṭihāriyapakkhañca, aṭṭhaṅgasusamāgatam.**

“Uposatham upavasanti, brahmacariyaṃ caranti ye;

**Na tehi yakkhā kīḷanti, iti me arahataṃ sutam;
Sā dāni ajja passāmi, yakkhā kīḷanti sānunā”ti.**

“Được nghe từ những bậc A la hán
Ma không ám, quý không nhập
Với những ai sống phạm hạnh cao quý
Bằng sự hành trì bát quan trai giới
Vào các ngày mười bốn, mười lăm
Và những ngày thứ tám giữa tuần
Hoặc khoảng thời gian đặc biệt
Nhưng hôm nay chính tôi lại mục kích
Dạ xoa nhập vào Sānu.

(Dạ xoa đã nhập vào Sānu)

**“Cātuddasiṃ pañcadasiṃ, yā ca pakkhassa aṭṭhamī;
Pāṭihāriyapakkhañca, aṭṭhaṅgasusamāgatam;
Uposatham upavasanti, brahmacariyam caranti ye.**

**“Na tehi yakkhā kīḷanti, sāhu te arahataṃ sutam;
Sānum pabuddham vajjāsi, yakkhānam vacanam idam;
Mākāsi pāpakam kammaṃ, āvi vā yadi vā raho.**

**“Sace ca pāpakam kammaṃ, karissasi karosi vā;
Na te dukkhā pamutyatthi, uppaccāpi palāyato”ti.**

“Những gì Người nghe từ các bậc A la hán là đúng
Ma không ám, quý không nhập
Với những ai sống phạm hạnh cao quý
Bằng sự hành trì bát quan trai giới
Vào các ngày mười bốn, mười lăm
Và những ngày thứ tám giữa tuần
Hoặc khoảng thời gian đặc biệt
Khi Sānu tỉnh dậy hãy nói với Sānu rằng
Đây là lời của dạ xoa
Đừng làm bất cứ điều ác quấy nào
Dù công khai hay ẩn khuất
Nếu tạo nghiệp bất thiện
Dù sẽ làm hay đang làm
Sẽ không thoát khỏi khổ

Dù bay nhảy trốn thoát.

(Sānu sau khi tỉnh lại):

**“Matam vā amma rodanti, yo vā jīvaṃ na dissati;
Jīvantaṃ amma passantī, kasmā maṃ amma rodasī”ti.**

“Mẹ ơi, người ta khóc
Là khóc vì tử biệt
Hoặc khóc vì sanh ly
Con còn sống đây mà
Mình đang nhìn thấy nhau
Sau mẹ rơi lệ sầu?”

(Bà mẹ):

**“Matam vā putta rodanti, yo vā jīvaṃ na dissati;
Yo ca kāme cajitvāna, punarāgacchate idha;
Taṃ vāpi putta rodanti, puna jīvaṃ mato hi so.**

**“Kukkuḷā ubbhato tāta, kukkuḷaṃ patitumicchasi;
Narakā ubbhato tāta, narakam patitumicchasi.**

**“Abhidhāvatha bhaddante, kassa ujjhāpayāmase;
Ādittā nīhataṃ bhaṇḍaṃ, puna ḍayhitumicchasi”ti.**

“Đúng vậy, hồi này con
Người khóc vì tử biệt
hoặc khóc vì sinh ly
Nhưng cũng có trường hợp
Người từ bỏ dục lạc
Rồi hoàn tục bỏ tu
Cũng khóc cho người ấy
Vì sống như đã chết.

“Đã ra khỏi than hừng
Lại ước muốn nhảy vào
Con đã thoát địa ngục
Giờ lại muốn trở vô?
Cứu ra từ đồng lửa

Muốn bị ném trở lại?
Này con hãy lên đường
Mong con được may mắn.



Thích nghĩa

Bài kinh này chỉ ghi lại những lời thoại nếu không nghe chi tiết câu chuyện thì khó hiểu. Sānu là một sa di vào chùa hồi còn thơ ấu. Lại là một sa di rất ngoan và giỏi. Tới tuổi trưởng thành (hai mươi tuổi) thì lại bị xáo trộn tinh thần muốn rời bỏ cuộc tu trở về đời sống cư sĩ. Sānu về nhà mẹ của mình với trình bày ước muốn về tương lai.

Bấy giờ một dạ xoa, vốn là mẹ của Sānu trong kiếp trước, muốn khuyên cản Sānu đừng hoàn tục. Dạ xoa đã nhập vào Sānu mắt trợn ngược, sùi bọt mép, giãy giụa. Bà mẹ Sānu thấy vậy than khóc rằng: vốn được nghe những người tu, dù là tu bất quan trai, thì ma quỷ không bao giờ nhập nhưng hôm nay lại tận mắt thấy một người tu (sa di giới cao hơn bất quan trai giới) lại bị ma quỷ nhập.

Lúc ấy dạ xoa, qua thân xác của Sānu, đã nói với bà mẹ là những gì được nghe vốn không sai. Người tu bất quan trai thì không bị ma nhập quỷ ám. Nhưng trường hợp này là một biệt lệ. Dạ xoa chỉ muốn nhập vào để cảnh tỉnh Sānu mong là khi Sānu tỉnh lại bà mẹ hãy chuyển lời: những nghiệp bất thiện lớn nhỏ, người đời có thấy được hay không thấy đều mang lại đau khổ. Ý nói về những hệ lụy của đời sống thế tục.

Dạ xoa xuất ra và Sānu tỉnh dậy. Thấy mẹ đang khóc, sa di Sānu hỏi: thường thì mẹ khóc con là do sanh ly hoặc tử biệt. Bây giờ còn thấy nhau có gì phải khóc?.

Bà mẹ trả lời Sānu nói đúng. Nhưng với một người đi tu mà hoàn tục thì kẻ như đã chết. Vì biết được con muốn rời bỏ đời sống phạm hạnh nên bà không thể không đau khổ.

Được mẹ khuyên nhắc, sa di Sānu bỏ ý định hoàn tục trở về chùa Kỳ Viên đánh lễ Phật. Với sự khai thị của Đức Điều Ngự, Sadi Sānu chứng thánh quả và thọ đại giới. Vị này cũng trở thành một pháp sư lỗi lạc với quảng đời dài cho đến 120 tuổi.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

5. Sānusuttam [Mūla]

239. Ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena aññatarissā upāsikāya sānu nāma putto yakkhena gahito hoti. Atha kho sā upāsikā paridevamānā tāyaṃ velāyaṃ imā gāthāyo abhāsi

—
“Cātuddasiṃ pañcadasiṃ, yā ca pakkhassa aṭṭhamī;
Pāṭihāriyapakkhañca, aṭṭhaṅgasusamāgatam.

“Uposatham upavasanti, brahmacariyaṃ caranti ye;
Na tehi yakkhā kīḷanti, iti me arahataṃ sutam;
Sā dāni ajja passāmi, yakkhā kīḷanti sānunā”ti.

“Cātuddasiṃ pañcadasiṃ, yā ca pakkhassa aṭṭhamī;
Pāṭihāriyapakkhañca, aṭṭhaṅgasusamāgatam;
Uposatham upavasanti, brahmacariyaṃ caranti ye.

“Na tehi yakkhā kīḷanti, sāhu te arahataṃ sutam;
Sānuṃ pabuddham vajjāsī, yakkhānaṃ vacanaṃ idaṃ;
Mākāsī pāpakaṃ kammaṃ, āvi vā yadi vā raho.

“Sace ca [saceva (syā. kaṃ. pī. ka.), yañceva (sī.)] pāpakaṃ kammaṃ, karissasi
karosī vā;
Na te dukkhā pamutyatthi, uppaccāpi palāyato”ti.

“Matam vā amma rodanti, yo vā jīvaṃ na dissati;
Jīvantaṃ amma passantī, kasmā maṃ amma rodasī”ti.

“Matam vā putta rodanti, yo vā jīvaṃ na dissati;
Yo ca kāme cajitvāna, punarāgacchate idha;
Taṃ vāpi putta rodanti, puna jīvaṃ mato hi so.

“Kukkuḷā ubbhato tāta, kukkuḷam [kukkuḷe (sī.)] patitumicchasi;
Narakā ubbhato tāta, narakam patitumicchasi.

“Abhidhāvatha bhaddante, kassa ujjhāpayāmasē;
Ādittā nīhataṃ [nibbhatam (syā. kaṃ. ka.), nibhataṃ (pī. ka.)] bhaṇḍam, puna
ḍayhitumicchasi”ti.

5. Sānusuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

239. Pañcame **yakkhena gahito hotī**ti so kira tassā upāsikāya ekaputtako. Atha nam sā daharakāleyeva pabbājesi. So pabbajitakā lato paṭṭhāya sīlavā aho si vattasampanno, ācariyupajjhāya āgantukādīnaṃ vattaṃ katameva hoti, māsassa aṭṭhamīdivase pāto vutṭhāya udakamālake udakaṃ upaṭṭhāpetvā dhammassavanaggaṃ sammajjitvā dīpaṃ jāletvā madhurassarena dhammassavanaṃ ghoṣeti. Bhikkhū tassa thāmaṃ ñatvā “sarabhāṇaṃ bhaṇa, sāmaṇerā”ti ajjhesanti. So “mayhaṃ hadayavāto rujati, kāso vā bādhati”ti kiñci paccāhāraṃ akatvā dhammāsaṇaṃ abhiruhitvā ākāsaṅgaṃ otārento viya sarabhāṇaṃ vatvā otaranto – “mayhaṃ mātāpitūnampi imasmiṃ sarabhaññe pattī”ti vadati. Tassa manussā mātāpitāro pattiyā dinnabhāvaṃ na jānanti. Anantarattabhāve panassa mātā yakkhinī jātā. Sā devatāhi saddhiṃ āgatā, dhammaṃ sutvā – “sāmaṇerena dinnapattiṃ anumodāmi, tātā”ti vadati. Sīlasampannā ca nāma bhikkhū sadevakassa lokassa piyā hontīti tasmīṃ sāmaṇere devatā salajjā sagāravā mahābrahmaṃ viya aggikkhandhaṃ viya ca naṃ maññanti. Sāmaṇere gāravena taṃ yakkhinaṃ garuṃ katvā passanti. Dhammassavanayakkhasamāgamādīsu “sānumātā sānumātā”ti yakkhiniyā aggāsaṇaṃ aggodakaṃ aggapinḍaṃ denti. Mahesakkhāpi yakkhā taṃ disvā maggā okkamanti, āsanā vutṭhahanti.

Atha kho sāmaṇero vuḍḍhimanvāya paripakkindriyo anabhiratipīlito anabhiratiṃ vinodetuṃ asakkonto parūḷhakesanakho kiliṭṭhanivāsanapārupano kassaci anārocetvā pattacīvaramādāya ekakova mātu gharaṃ gato. Upāsikā puttāṃ disvā, vanditvā āha – “tāta, tvaṃ pubbe ācariyupajjhāyehi vā daharasāmaṇerehi vā saddhiṃ idhāgacchasi. Kasmā ekakova ajja āgato”ti? So ukkaṇṭhitabhāvaṃ ārocesi. Saddhā upāsikā nānappakārena gharāvāse ādīnaṃ dassetvā puttāṃ ovadamānāpi taṃ saññāpetuṃ asakkontī, “appeva nāma attano dhammatāyapi sallakkhessatī”ti anuyojetvāva – “tiṭṭha, tāta, yāva te yāgubhattaṃ sampādemī, yāguṃ pivitvā katabhattakiccassa te manāpāni vatthāni nīharitvā dassāmī”ti vatvā āsaṇaṃ paññāpetvā adāsi. Nisīdi sāmaṇero. Upāsikā muhutteneva yāgukhajjakaṃ sampādetvā adāsi. Tato “bhattaṃ sampādessāmī”ti avidūre nisinnā taṇḍule dhovati. Tasmīṃ samaye sā yakkhinī “kahaṃ nu kho sāmaṇero? Kiñci bhikkhāhāraṃ labhati, udāhu no”ti? Āvajjamānā tassa vibbhamitukāmatāya nisinnabhāvaṃ ñatvā, “mā heva kho me devatānaṃ antare lajjaṃ uppādeyya, gacchāmissa vibbhamane antarāyaṃ karomī”ti āgantvā sarīre adhimuccitvā gīvaṃ parivattetvā bhūmiyaṃ pātesī. So akkhīhi viparivattehi kheḷena paggharantena bhūmiyaṃ vipphandati. Tena vuttaṃ “yakkhena gahito hotī”ti.

Abhāsīti upāsikā puttassa taṃ vippakāraṃ disvā vegena gantvā puttaṃ āliṅgetvā ūrusu nipajjāpesi. Sakalagāmaṃvāsino āgantvā balikammādīni karonti. Upāsikā paridevamānā imā gāthāyo abhāsi.

Pāṭihāriyapakkhañcāti manussā “aṭṭhamīuposathassa paccuggamaṇaṅca anuggamaṇaṅca karissāmā”ti sattamiyāpi navamiyāpi uposathaṅgāni samādiyanti, cātuddasīpannarasīnaṃ paccuggamaṇānuggamaṇaṃ karontā terasiyāpi pāṭipadepi samādiyanti, “vassāvāsassa anuggamaṇaṃ karissāmā”ti dvinnāṃ pavāraṇānaṃ antare aḍḍhamāsaṃ nibaddhuposathikā bhavanti. Idaṃ sandhāya vuttam “pāṭihāriyapakkhañcā”ti. **Aṭṭhaṅgasusamāgatanti** aṭṭhaṅgehi suṭṭhu samāgataṃ, sampayuttanti attho. **Brahmacariyanti** seṭṭhacariyaṃ. **Na te hi yakkhā kīlanṭī**ti na te gahetvā yakkhā kilamenti.

Puna **cātuddasinti** imāya gāthāya sāmaṇerassa kāye adhimuttā yakkhinī āha. **Āvi vā yadi vā rahoti** kassaci sammukhe vā parammukhe vā. **Pamutyatthī**ti pamutti atthi. **Uppaccāpī**ti uppatitvāpi. Sacepi sakuṇo viya uppatitvā palāyasi, tathāpi te mokkho natthīti vadati. Evaṅca pana vatvā sāmaṇeraṃ muñci. Sāmaṇero akkhīni ummīlesi, mātā kese pakiriya assasantī passasantī rodati. So “amanussena gahitomhī”ti na jānāti. Olokento pana “ahaṃ pubbe pīṭhe nisinno. Mātā me avidūre nisīditvā taṇḍule dhovati. Idāni panamhi bhūmiyaṃ nisinno, mātāpi me assasantī passasantī rodati, sakalagāmaṃvāsīnopi sannipatitā. Kiṃ nu kho eta”nti? Nipannakova **matam vā ammā**ti gāthamāha.

Kāme cajitvānāti duvidhepi kāme pahāya. **Punarāgacchateti** vibbhamanavasena āgacchati. **Puna jīvaṃ mato hi soti** uppabbajitvā puna jīvantopi so matakova, tasmā tampi rodantīti vadati.

Idānissa gharāvāse ādīnavaṃ dassentī **kukkuḷā**tiādīmāha. Tattha **kukkuḷā**ti gharāvāso kira uṇhaṭṭhena kukkuḷā nāma hoti. **Kassa ujjhāpayāmeti** – “abhidhāvatha, bhaddaṃ te hotū”ti evaṃ vatvā – “yaṃ tvaṃ vibbhamitukāmo yakkhena pāpito, imaṃ vippakāraṃ kassa mayaṃ ujjhāpayāma nijjhāpayāma ārocayāmā”ti vadati. **Puna ḍayhitumicchāsī**tiādittagharato nīhaṭabhaṇḍaṃ viya gharā nīharitvā buddhasāsane pabbajito puna mahāḍāhasadise gharāvāse ḍayhitum icchasīti attho. So mātari kathentiyā kathentiyā sallakkhetvā hirottappaṃ paṭilabhitvā, “natthi mayhaṃ gihibhāvena attho”ti āha. Athassa mātā “sādhu, tātā”ti tuṭṭhā paṇītabhojanaṃ bhojetvā, “kati vassosi, tātā”ti pucchi. Paripuṇṇavassomhi upāsiketi. “Tena hi, tātā, upasampadaṃ karohī”ti cīvarasāṭake adāsī. So ticīvaraṃ kārapetvā upasampanno buddhavacanaṃ uggaṇhanto tepīṭako hutvā sīlādīnaṃ āgataṭṭhāne taṃ taṃ pūrento nacirasseva arahattaṃ patvā mahādhammakathiko hutvā vīsavassasataṃ ṭhatvā sakalajambudīpaṃ khobhetvā parinibbāyi. Pañcamam.